

Bản án số: **543/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 10/8/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Lâm Bình**.

- Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Hoàng Thị An**.

Ông **Nguyễn Hữu Đệ**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Đăng Hùng** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đông Anh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Kim Thanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 10/8/2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 362/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2022 về việc: Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Kiều A**, sinh năm 1988.

Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn X, xã Y, huyện Z, Thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh **Dương Minh B**, sinh năm 1989.

Hộ khẩu thường trú: Thôn M, xã L, huyện N, tỉnh Vĩnh Phúc.

Nơi ở trước khi mở phiên tòa: Thôn X, xã Y, huyện Z, Thành phố Hà Nội.

Nơi ở hiện nay tự khai tại phiên tòa: Thôn M, xã L, huyện N, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều A trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Dương Minh B ngày 22/11/2017 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Z, Thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống và thuê nhà ở riêng tại Đội 2, thôn X, xã Y, huyện Z, Thành phố Hà Nội, chưa có thời gian nào vợ chồng sống chung cùng gia đình hai bên. Cuộc sống vợ chồng sống hạnh phúc, hòa thuận đến khoảng tháng 7 năm 2021 sau khi chị sinh con thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống trong việc nuôi dạy con cái, không có sự tin tưởng lẫn nhau trong nhiều vấn đề, anh B đôi khi không quan tâm đến vợ con. Một lý do khác là do gia đình anh B yêu cầu đưa 02 con của anh chị về cho ông bà nội các cháu chăm sóc nhưng chị không đồng ý dẫn đến vợ chồng xích mích, bất hoà. Vợ chồng vẫn sống chung một nhà nhưng hai bên cắt đứt tình cảm

sinh lý từ ngày mâu thuẫn cho đến nay, hai bên gần như không có trách nhiệm với nhau, độc lập về kinh tế. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục nên chị yêu cầu được ly hôn với anh B.

- **Về con chung:** Vợ chồng có 02 con chung (Sinh đôi) là cháu Dương Anh C và cháu Dương Tú D, đều sinh ngày 28/7/2020. Ly hôn, chị xin nuôi cả 02 con do các cháu còn nhỏ, cần sự quan tâm của mẹ hơn và 02 cháu sinh đôi nên gắn bó rất mật thiết với nhau theo quy luật tự nhiên và sinh học. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay chị đang làm nhân viên kinh doanh tại Công ty cổ phần Diệp Linh, thu nhập 10.000.000 đồng/tháng. Về chỗ ở: Chị đang thuê nhà tại Đội 2, thôn X, xã Y, huyện Z, Thành phố Hà Nội. Nguồn gốc nhà đất là của bác họ chị tạo điều kiện cho thuê, đồng thời ở nhờ. Điều kiện ăn ở rộng rãi, thoải mái nên hoàn toàn có khả năng nuôi cả 02 con. Ngoài ra, trong thời gian chị đi làm vẫn có mẹ chị hỗ trợ để chăm sóc các cháu.

- **Về tài sản chung:** Chị xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn anh Dương Minh B trình bày:**

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh nhất trí như chị Nguyễn Thị Kiều A khai về thời gian, điều kiện kết hôn, còn về nguyên nhân mâu thuẫn giữa của vợ chồng là do quan điểm sống trong vấn đề lựa chọn môi trường sống, phát triển kinh tế và nuôi dạy con cái khác nhau dẫn đến vợ chồng xích mích, bất hoà. Nay chị A xin ly hôn, thực tế anh không mong muốn điều này xảy ra vì để các con có cả bố và mẹ. Tuy nhiên, nếu chị A vẫn cương quyết xin ly hôn thì anh đồng ý, tự nguyện và không níu kéo vì vợ chồng không còn tình cảm.

- **Về con chung:** Vợ chồng có 02 con chung (Sinh đôi) là cháu Dương Anh C và cháu Dương Tú D, đều sinh ngày 28/7/2020. Ly hôn, anh xin nuôi 01 con và không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Hiện nay, anh đang làm việc tại Công ty TNHH thương mại và sản xuất Kim Dung, thu nhập từ 13.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng/tháng. Về chỗ ở: Anh có hộ khẩu và mới chuyển về ở cùng với bố mẹ đẻ tại Thôn M, xã L, huyện N, tỉnh Vĩnh Phúc.

Lý do anh xin nuôi con: Với mức thu nhập và điều kiện chỗ ở của chị A không đảm bảo để nuôi 02 con. Mẹ chị A hiện nay cũng đang sống chung cùng đại gia đình gồm rất nhiều thành viên, trong đó có cả 02 cháu là con em trai chị A nên cũng không có nhiều thời gian để chăm sóc cho 02 con anh chị.

- **Về tài sản chung:** Anh xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại phiên tòa hôm nay:**

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều A giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Dương Minh B.

+ Về con chung: Chị xin nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Dương Minh B xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh giữ nguyên quan điểm đồng ý ly hôn.

+ Về con chung: Anh xin nuôi 01 con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đã tuân theo đúng quy định của pháp luật, không vi phạm tố tụng. Đương sự chấp hành tốt pháp luật.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh về việc giải quyết vụ án:

+ Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kiều A và anh Dương Minh B.

+ Về con chung: Giao cháu Dương Anh C và cháu Dương Tú D, đều sinh ngày 28/7/2020 (Sinh đôi) cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết do đương sự không có yêu cầu.

+ Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết do đương sự không có yêu cầu.

+ Về án phí: Chị A phải chịu án phí dân sự không có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều A yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Dương Minh B tại thời điểm Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án đang cư trú trên địa bàn huyện Đông Anh. Do vậy, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân huyện Đông Anh theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Kiều A và anh Dương Minh B: Anh chị tự nguyện kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Z, Thành phố Hà Nội ngày 22/11/2017 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kiều A: Về quá trình chung sống và mâu thuẫn, các đương sự trình bày: Sau khi đăng ký kết hôn và tổ chức lễ cưới, vợ chồng chị A, anh B về chung sống và thuê nhà ở riêng tại Đội 2, thôn X, xã Y, huyện Z, Thành phố Hà Nội, chưa có thời gian nào vợ chồng sống chung cùng gia đình hai bên. Đến khoảng tháng 7 năm 2021 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống trong vấn đề lựa chọn môi trường sống và nuôi dạy con cái, không có sự tin tưởng, chia sẻ với nhau nên hay xảy ra xích mích, bất hòa, dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, hai bên hầu như không có trách nhiệm gì với nhau.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần các đương sự đến Tòa án làm việc và tổ chức phiên hòa giải, mục đích cho các đương sự về đoàn tụ với nhau. Tuy nhiên, các đương sự không có biện pháp nào để cải thiện quan hệ vợ chồng, đặc biệt là bên phía anh B. Tại phiên hòa giải, hai bên đều thống nhất vợ chồng không còn tình cảm và nhất trí việc ly hôn.

Tại phiên tòa, chị A vẫn giữ quan điểm xin ly hôn, anh B đồng ý ly hôn và hoàn toàn tự nguyện. Do đó, cần ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Nguyễn

Thị Kiều A và anh Dương Minh B theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân gia đình để các bên ổn định cuộc sống riêng.

[4] Về con chung: Chị A, anh B có 02 con chung (Sinh đôi) là cháu Dương Anh C và cháu Dương Tú D, đều sinh ngày 28/7/2020.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị A xin nuôi cả 02 con chung; Anh B xin nuôi 01 con chung và hai bên đều không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

* Xét yêu cầu nuôi con của các đương sự: Tài liệu do các đương sự cung cấp thể hiện:

+ Về chỗ ở: Chị Nguyễn Thị Kiều A đang thuê nhà có hợp đồng ổn định tại Đội 2, thôn X, xã Y, huyện Z, Thành phố Hà Nội; Anh Dương Minh B khai mới chuyển về ở cùng với bố mẹ đẻ tại Thôn M, xã L, huyện N, tỉnh Vĩnh Phúc nhưng không có tài liệu chứng minh.

+ Về công việc và thu nhập: Chị A đang làm nhân viên kinh doanh tại Công ty cổ phần Diệp Linh, thu nhập 10.000.000 đồng/tháng. Anh B đang làm việc tại Công ty TNHH thương mại và sản xuất Kim Dung, thu nhập 15.000.000 đồng/tháng.

Như vậy, về cơ bản, chị A, anh B đều có thu nhập và chỗ ở ổn định, không ai bị hạn chế quyền đối với con chưa thành niên nên đều có khả năng nuôi con.

Yêu cầu được nuôi con của anh chị đều là chính đáng. Đặc biệt là đối với hoàn cảnh của anh B là con trai duy nhất trong gia đình. Tuy nhiên, 02 cháu Dương Anh C và cháu Dương Tú D đến ngày xét xử sơ thẩm (10/8/2022) mới được 24 tháng 13 ngày, vẫn còn quá nhỏ, lại gắn bó rất mật thiết với nhau theo quy luật tự nhiên và sinh học nên tâm sinh lý cần có sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ hơn. Ngoài ra, Khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“ Điều 81. Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn:

*...
3. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con. ”*

Do đó, để đảm bảo sự phát triển toàn diện của trẻ em theo Luật hôn nhân và gia đình, cần giao cháu C, cháu D cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng và tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung cho anh B đến khi các con chung thành niên hoặc khi có sự thay đổi khác là phù hợp với thực tiễn và các quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung: Chị A, anh B đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm không có giá ngạch.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[8] Quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh về đường lối giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 203, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kiều A và anh Dương Minh B.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 107/2017, đăng ký ngày 22/11/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Z, Thành phố Hà Nội cấp cho chị Nguyễn Thị Kiều A và anh Dương Minh B không còn giá trị pháp lý).

2. Về con chung: Giao cháu Dương Anh C và cháu Dương Tú D, đều sinh ngày 28/7/2020 (Sinh đôi) cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng; Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh B đến khi các con chung thành niên hoặc có sự thay đổi khác.

Anh B có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra xem xét giải quyết do đương sự không yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kiều A phải chịu 300.000(Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000(Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số **46554** ngày 01/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh. Xác nhận chị A đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đông Anh;
- TAND thành phố Hà Nội;
- THA dân sự huyện Đông Anh;
- UBND xã Y;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Lâm Bình